

Bản án số: **23/2020/HS-ST**
Ngày 16 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Bích.

Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Âu Thế Thái, bà Bùi Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Đàm Văn D, sinh ngày 09/6/1962 tại huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn 23, xã K, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 7/10; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 02-QĐ/UBKT ngày 03/9/2020 của Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Tuyên Quang); dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn M và bà Triệu Thị T (đều đã chết); có vợ Ma Thị P và 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (*có mặt tại phiên tòa*).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Hồng Lương - Luật sư, Văn phòng Luật sư Ngọc Khanh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Số nhà 122, Đường 17/8, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt*).

- Bị hại:

1. Bà Chu Thị Q, sinh năm 1948 (*có mặt*);

2. Chị Ma Thị T, sinh năm 1973 (*có mặt*);

Đều trú tại: Thôn 23, xã K, TP. T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Ông Lê Đình Việt, Luật sư, Công ty Luật TNHH Minh Tín thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Hà Thành Plaza, số 102 Thái Thịnh, phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (*có mặt*).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Ma Thị P, sinh năm 1963 (*có mặt*);

Nơi cư trú: Thôn 23, xã K, TP. T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lê Mạnh H, sinh năm 1970 (*có mặt*);
2. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1964 (*có mặt*);
3. Ông Đào Văn P (Chức), sinh năm 1963 (*có mặt*);
4. Anh Hà Văn C, sinh năm 1972 (*có mặt*);
5. Anh Nông Văn B, sinh năm 1974 (*có mặt*);
6. Chị Đàm Thị X, sinh năm 1970 (*có mặt*);
7. Anh Đàm Văn D, sinh năm 1987 (*có mặt*);
8. Ông Trần Văn T, sinh năm 1958 (*có mặt*);
9. Anh Nông Văn S, sinh năm 1986 (*có mặt*);

Đều trú tại: Thôn 23, xã K, TP. T, tỉnh Tuyên Quang.

10. Bà Lâm Thị Đ, sinh năm 1948 (*có mặt*);

Nơi cư trú: Xóm 2, xã K, TP. T, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 08/02/2020, Đàm Văn D, cư trú tại thôn 23, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đi ăn cơm về qua nhà ông Trần Văn T thấy ông T và anh Lê Mạnh H (cùng trú tại thôn 23, xã K) đang đánh cò tướng được thua bằng tiền (mức cược từ 5.000đ/ván đến 20.000đ/ván), ông Nông Văn S (cùng thôn) ngồi xem. Khi D vào thì ông T và anh H vừa kết thúc ván cò, D thấy ông T đưa cho anh H 5.000đ, sau đó anh H và ông S tiếp tục đánh cò. Trong khi xem mọi người đánh cò, D tham gia với anh H về việc đánh cò nên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. D dùng tay túm cổ áo anh H, ghì mặt anh H xuống bàn cò, thấy vậy mọi người can ngăn, anh H chạy sang nhà ông Đào Văn P (ở cùng thôn) nhặt 01 đoạn gậy bằng gỗ keo dài khoảng 1,2m; đường kính 5cm quay lại định đánh D thì mọi người can ngăn. Anh H, D đi về nhà.

Về đến nhà, do vẫn bức tức với anh H nên D xuống bếp lấy 01 con dao (loại dao bầu; dài 34,5cm) đi bộ sang nhà anh H. Đến nhà anh H, thấy cổng khóa, D trèo tường vào trong sân thì gặp bà Chu Thị Q, sinh ngày 25/12/1948 (là mẹ của anh H) đang đứng nói chuyện với ông Đào Văn P. Anh H ở trong nhà đóng cửa, đứng ở cửa sổ phòng khách. D gọi anh H ra xin lỗi, anh H không ra. Anh H chạy ra sau nhà, nhặt một đoạn gậy gỗ (hình trụ vuông dài 174,5cm, mỗi cạnh dài

03cm) lên nhà, nhìn qua cửa sổ. Cùng lúc này D túm tay bà Q, kéo ghì bà Q quỳ xuống nền sân, tay phải cầm dao thúc phần chuôi dao vào sườn bà Q nói với anh H “*Mày ra xin lỗi tao tha, mày không ra tao chọc mẹ mày cho mày xem*”. Vừa nói xong, D cầm dao bằng tay phải ấn mũi dao theo hướng từ trên xuống dưới trúng lưng bà Q, ấn xong D ném con dao về phía cửa sổ nhưng không trúng anh H. D chạy vào giật cửa chính để vào nhà, anh H giờ gây lên vệt, D giờ tay trái lên đỡ trúng vào cẳng tay trái gây thương tích nhẹ. D và anh H giằng co, mọi người vào can ngăn. D đi về nhà, anh H đi trốn còn bà Q được đưa đi Bệnh viện cấp cứu.

Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, do vẫn tức với anh H, D xuống bếp lấy 01 con dao (loại dao tu, dài 43,4cm và 01 chiếc liềm dài 39cm) quay lại nhà anh H, khi đến cổng thì gặp chị Ma Thị T (vợ của anh H). Chị T đi vào trong nhà thì D đi theo chị T, vừa đi vừa nói “*T à mày đừng chạy nữa, mày gọi thằng Hà về xin lỗi tao đi*”. Chị T nói “*Chồng cháu trốn rồi*”. D đuổi theo chị T ra phía sau nhà, chị T chạy vòng qua bãi đất trống cạnh nhà rồi ra đường bê tông. Khi chị T chạy đến trước cửa nhà ông Nông Văn B (ở cùng thôn) thì bị trượt chân ngã nằm xuống đường bê tông. D chạy đến, tay phải cầm dao giờ lên chém 01 phát trúng khủy tay trái của chị T và 01 phát trúng đầu và vai trái chị T gây thương tích. Sau đó, D cầm dao, liềm đi về. Cùng lúc này Tổ công tác của Cảnh sát 113 đến đưa D về trụ sở Ủy ban nhân dân xã K, thành phố T lập biên bản sự việc. Chị T được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.

Tại Kết luận giám định số 173 ngày 19/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận:

- Dấu vết ký hiệu A1, A2 thu tại hiện trường là máu người, thuộc nhóm máu O;
- Trên các mẫu (ký hiệu A3, A4, A5, A6) gửi giám định có bám dính máu người, thuộc nhóm máu O;
- Máu của Ma Thị T (ký hiệu M1) thuộc nhóm máu O; Chu Thị Q (ký hiệu M2) thuộc nhóm máu O; Đàm Văn D (ký hiệu M3) thuộc nhóm máu O.

Tại Bản Kết luận giám định số 94/2020/TgT ngày 24/4/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tuyên Quang kết luận đối với Ma Thị T tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích tại thời điểm giám định là: 60% (*Sáu mươi phần trăm*).

Tại Bản kết luận giám định số 93/2020/TgT ngày 24/4/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tuyên Quang kết luận đối với bà Chu Thị Q tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích tại thời điểm giám định là: 01% (*Một phần trăm*).

Ngày 01/6/2020, bà Chu Thị Q và bà Ma Thị T có đơn yêu cầu giám định lại phần trăm sức khỏe.

Tại Bản kết luận giám định lại pháp y số 12Y2020 số 295/GĐ-PY ngày 19/6/2020 của Viện Pháp y Quân đội kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích của Ma Thị T thời điểm giám định là 60% (*Sáu mươi phần trăm*). Cơ chế gây thương tích do tác động của vật sắc gây nên.

Tại Bản Kết luận giám định lại pháp y số 11Y2020 số 295/GĐ-PY ngày 19/6/2020 của Viện Pháp y Quân đội kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích của bà Chu Thị Q thời điểm giám định là: 01% (*Một phần trăm*). Cơ chế gây thương tích do tác động của vật sắc nhọn gây nên.

Bản Cáo trạng số 25/CT-VKS-P2 ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Đàm Văn D về tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm n khoản 1, Điều 123 và điểm a, i khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Phản tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đàm Văn D như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đàm Văn D phạm hai tội “Giết người” và “Cố ý gây thương tích”. Căn cứ: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội; điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội Cố ý gây thương tích; Điều 15, 57 đối với tội Giết người; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đàm Văn D từ 10 đến 11 năm tù về tội Giết người; từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đàm Văn D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 08/02/2020.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho hai bị hại các khoản chi phí hợp lý trong quá trình cấp cứu và điều trị, thu nhập thực tế bị giảm sút, tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị tuyên hủy, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ: Nhất trí với tội danh, điều luật Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với cả hai tội cho bị cáo ở mức thấp nhất.

Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư, không bổ sung thêm ý kiến gì khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày luận cứ: Nhất trí với tội danh, điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên về trách nhiệm bồi thường dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường của bị hại Ma Thị T và Chu Thị Q dựa trên trên thương tích, các chi phí hợp lý trong quá trình cứu chữa, điều trị, tổn thất về tinh thần và thiệt hại thực tế do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Cụ thể:

* Bồi thường cho bị hại Ma Thị T các khoản chi phí như sau:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa = 34.293.677đ;
- Chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút (30 tháng lương cơ sở x 1.490.000đ) = 44.700.000đ;

- Thu nhập thực tế bị giảm sút = 17.642.624đ;
- Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị (174 ngày x 200.000đ/ngày) = 34.800.000đ;
- Bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần (50 tháng lương cơ sở x 1.490.000đ) = 74.500.000đ;

Tổng cộng = 205.936.301đ (*Hai trăm linh năm triệu, chín trăm ba sáu nghìn, ba trăm linh một đồng*).

* Bồi thường cho bị hại Chu Thị Q các khoản chi phí như sau:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa = 1.814.258đ;
- Chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút (10 tháng lương cơ sở x 1.490.000đ) = 14.900.000đ;
- Bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần (15 tháng lương cơ sở x 1.490.000đ) = 22.350.000đ;

Tổng cộng = 39.064.258đ (*Ba mươi chín triệu, không trăm sáu tư nghìn, hai trăm năm tám đồng*).

Bị hại Ma Thị T và Chu Thị Q nhất trí ý kiến của Luật sư, không bổ sung thêm ý kiến.

Bị cáo không nhất trí yêu cầu bồi thường của các bị hại, bị cáo cho rằng yêu cầu bồi thường của các bị hại vượt quá khả năng của bị cáo. Sau khi phạm tội bị cáo bị bắt tạm giam nên bị cáo đã tác động tới gia đình (vợ, con) bồi thường cho các bị hại được 20.000.000đ, trong đó bồi thường cho chị T 7.000.000đ, bồi thường cho bà Q 3.000.000đ và nộp tại Cơ quan điều tra 10.000.000đ để bồi thường cho chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức bồi thường theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Đàm Văn D nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Đàm Văn D tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của các bị hại, những người làm chứng; căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả thực nghiệm điều tra, các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 08/02/2020, tại thôn 23, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Do mâu thuẫn trong khi xem anh Lê Mạnh H và ông

Nông Văn S (ở cùng thôn) đánh cờ. Đàm Văn D, cư trú tại thôn 23, xã K đã có hành vi dùng dao nhọn (dạng dao bầu) dài 34,5 cm ấn mũi dao vào lưng bà Chu Thị Q sinh ngày 25/12/1948 (là mẹ của H) cùng thôn gây thương tích, tổn hại 01% (*một phần trăm*) sức khỏe. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày D tiếp tục có hành vi dùng dao dài 43,4 cm (dạng dao tu) chém chị Ma Thị T (là vợ của H) 01 nhát vào vùng khủy tay trái, 01 nhát vào vùng đầu bên trái và vai trái gây thương tích, tổn hại 60% (*Sáu mươi phần trăm*) sức khỏe.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Đàm Văn D là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực, nhận thức được hành vi của mình nhưng đã coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác.

Đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Đối với tội Giết người, giữa bị cáo và bị hại T trước đó không có mâu thuẫn, nhưng vì mục đích trả thù chồng của bị hại (anh H), bị cáo đã vô cớ dùng dao là hung khí nguy hiểm chém 02 nhát vào cơ thể bị hại, trong đó 01 nhát vào khủy tay trái, 01 nhát vào vùng đầu bên trái và vai trái là vùng xung yếu trên cơ thể bị hại, hành vi của bị cáo thể hiện sự côn đồ, hung hãn, phạm tội với lỗi cố ý, việc bị hại chưa chết là nằm ngoài ý muốn của bị cáo.

Đối với hành vi Cố ý gây thương tích: Giữa bị cáo và bị hại bà Q không có mâu thuẫn, vì muốn khống chế bà Q để bắt anh H phải xin lỗi nên bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm ấn mũi dao vào lưng gây thương tích cho bà Q gây tổn hại 1% sức khỏe. Tuy tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Q không lớn nhưng vì động cơ nhỏ nhen đã gây thương tích với người đủ 70 tuổi trở lên không có khả năng tự vệ, điều đó thể hiện sự côn đồ cần phải nghiêm trị.

Hành vi trên của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố về hai tội: tội Giết người theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội Cố ý gây thương tích theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng một mức hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng: “Phạm tội đối với người từ đủ 70 tuổi trở lên” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội Cố ý gây thương tích.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tác động tới gia đình (vợ, con) bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại; bị cáo có bố đẻ là ông Đàm Văn M được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng chung cho cả hai tội. Áp dụng cho bị cáo tình tiết phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 57 Bộ luật Hình sự đối với tội Giết người.

[5] Về mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên chấp nhận.

[6] Về luận cứ bào chữa của Luật sư: Trên cơ sở nội dung tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định cho phù hợp.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa, bị hại Ma Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền tổng cộng là 205.936.301đ (*Hai trăm linh năm triệu, chín trăm ba sáu nghìn, ba trăm linh một đồng*). Bị hại Chu Thị Q yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 39.064.258đ (*Ba mươi chín triệu, không trăm sáu tư nghìn, hai trăm năm tám đồng*). Bị cáo không nhất trí bồi thường số tiền trên vì cho rằng vượt quá khả năng của bị cáo, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét, yêu cầu đòi bồi thường của bị hại Ma Thị T, Hội đồng xét xử thấy:

Về chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, xét thấy chị T bị bị cáo D chém gây thương tích, tổn hại 60% sức khỏe phải đi điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang có các biên lai viện phí và các biên lai xét nghiệm tại Viện Pháp y Quân đội, chi phí hết số tiền 34.293.677đ là số tiền thực tế chị T phải chi trả do vậy cần chấp nhận.

Sau khi cứu chữa được ra viện, xét thấy chị T cần bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe do vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 35.000.000đ là phù hợp.

Đối với yêu cầu bồi thường thu nhập thực tế bị giảm sút, chị Ma Thị T nghỉ việc từ tháng 4/2020 đến hết tháng 7/2020 là thực tế, do vậy cần chấp nhận đề nghị của chị T về số tiền 17.642.624đ.

Đối với yêu cầu bồi thường phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị. Xét thấy, do anh Lê Mạnh H (chồng chị T) không có thu nhập ổn định, nên cần áp dụng mức thu nhập bình quân của người lao động ở địa phương là 200.000đ/người/ngày nhân với số ngày anh H chăm sóc chị T điều trị tại Bệnh viện và tại nhà riêng để làm căn cứ tính thu nhập bị mất. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận mức 150 ngày x 200.000đ/ngày = 30.000.000đ.

Về yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần, chị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 80.000.000đ. Xét thấy chị T bị tổn hại 60% sức khỏe, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu của chị T, buộc bị cáo phải bồi thường tổn thất về tinh thần tương ứng 30 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là phù hợp: $30 \times 1.490.000\text{đ} = 44.700.000\text{đ}$.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu về bồi thường của chị Ma Thị T, cụ thể như sau:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa = 34.293.677đ;
- Chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút = 35.000.000đ;
- Thu nhập thực tế bị giảm sút = 17.642.624đ;
- Phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị là 150 ngày x 200.000đ/ngày = 30.000.000đ;
- Bồi thường tổn thất về tinh thần tương ứng 30 tháng lương cơ sở x 1.490.000 = 44.700.000đ;

Tổng cộng: 161.636.301đ, được trừ đi số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường trực tiếp cho chị T 7.000.000đ và 10.000.000đ gia đình đã nộp tại Cơ quan điều tra mục đích để bồi thường cho chị T (khoản tiền 10.000.000đ hiện đã được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo Ủy nhiệm chi lập ngày 27/8/2020 của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang) tổng cộng là 17.000.000đ, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 144.636.301đ, làm tròn là 144.637.000đ (*Một trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng*).

Xét, yêu cầu đòi bồi thường của bị hại Chu Thị Q, Hội đồng xét xử thấy:

Về chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bà Q bị bị cáo D gây thương tích tổn hại 1% sức khỏe phải đi điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang có các biên lai viện phí và các biên lai xét nghiệm tại Viện Pháp y Quân đội, chi phí hết số tiền 1.814.258 là số tiền thực tế bà Q phải chi trả do vậy cần chấp nhận.

Về chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: Bà Q yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 14.900.000 đồng. Xét thấy yêu cầu trên của bà Q chưa phù hợp với quy định của pháp luật, tuy nhiên sau khi cứu chữa được ra viện, bà Q cần bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, do vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu của bà Q, buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Q số tiền 5.000.000đ là phù hợp.

Về yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần: Bà Q yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 22.350.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Q bị tổn hại 1% sức khỏe nhưng yêu cầu của bà Q không phù hợp với khả năng thực tế của bị cáo và chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận một phần yêu cầu của bà Q, buộc bị cáo phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà Q số tiền 5.000.000đ là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu về bồi thường thiệt hại của bà Chu Thị Q như sau:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa = 1.814.258đ;
- Chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe = 5.000.000đ;
- Bồi thường tổn thất về tinh thần = 5.000.000đ;

Tổng cộng = 11.814.258đ, được trừ đi số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường 3.000.000đ, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 8.814.258đ, làm tròn là 8.815.000đ (*Tám triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng*).

Như vậy, tổng số tiền bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại Ma Thị T và Chu Thị Q là: 153.452.000đ (*Một trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng*), trong đó phải bồi thường cho chị T là 144.637.000đ, bồi thường cho bà Q là 8.815.000đ.

Đối với yêu cầu khác của chị Ma Thị T về chi phí trong quá trình điều trị, phục hồi chức năng sau này, nếu có căn cứ sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị P tại phiên tòa không đề nghị bị cáo Đàm Văn D phải hoàn trả lại số tiền bà Phòng đã bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 (một) con dao bằng kim loại, chuôi gỗ, có tổng chiều dài 43,4cm, chuôi dài 15cm, bản dao chỗ rộng nhất là 06cm. Một mặt chuôi dao có khắc chữ “X”, một mặt khắc cụm chữ “XXX”; cũ, rỉ đã qua sử dụng.

- 01 (một) con dao nhọn bằng kim loại, màu đen, dài 34,5cm, phần bản dao và lưỡi dao dài 24cm, bản dao chỗ rộng nhất 7,5cm. Bản dao hơi cong vênh; cũ, rỉ đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc liềm, chuôi liềm dài 28,2cm (phần chuôi liềm bằng gỗ màu vàng dài 23,5cm), lưỡi liềm bằng kim loại dài 18cm, bản rộng nhất của liềm là 3,9cm; cũ, rỉ đã qua sử dụng.

- 02 (hai) chiếc dép bằng nhựa màu xanh, trên mặt mỗi chiếc dép có chữ “VIP” màu trắng, kích thước mỗi chiếc (23 x 10) cm; cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) túi giấy được dán kín, có hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang tại các mép dán, bên trong có 01 (Một) chiếc áo cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc gậy bằng gỗ hình trụ vuông, dài 174,5cm, mỗi cạnh dài 03cm, trên thân cây gậy có bán đính vết chất màu nâu thẫm đã khô tại vị trí cách hai đầu gậy lần lượt là 78cm và 97cm, cũ đã qua sử dụng.

Xét, các vật chứng trên không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: Bị cáo Đàm Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[12] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i khoản 1 Điều 52 đối với tội Cố ý gây thương tích; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 đối với cả hai tội; Điều 15, khoản 3 Điều 57 đối với tội Giết người; Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đàm Văn D phạm hai tội: “Giết người” và “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Đàm Văn D 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Giết người; 09 (chín) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Tổng hợp hình phạt, buộc

bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **11** (*mười một*) năm **03** (*ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (08/02/2020).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Xử buộc bị cáo Đàm Văn D phải có nghĩa vụ bồi thường các khoản chi phí hợp lý trong quá trình cứu chữa, chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, thu nhập thực tế bị giảm sút, phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại, tiền bồi thường tổn thất về tinh thần cho chị Ma Thị T với tổng số tiền là 161.637.000đ, được trừ đi số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường trực tiếp cho chị T 7.000.000đ và 10.000.000đ gia đình đã nộp tại Cơ quan điều tra mục đích để bồi thường cho chị T (khoản tiền 10.000.000đ hiện đã được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo Ủy nhiệm chi lập ngày 27/8/2020 của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang) tổng cộng là 17.000.000đ, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho chị Ma Thị T là 144.637.000đ (*Một trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng*).

Xử buộc bị cáo Đàm Văn D phải có nghĩa vụ bồi thường các khoản chi phí hợp lý trong quá trình cứu chữa, chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, tiền bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà Chu Thị Q với tổng số tiền là 11.815.000đ, được trừ đi số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường 3.000.000đ, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bà Chu Thị Q là 8.815.000đ (*Tám triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng*).

Khoản tiền bồi thường kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 (một) con dao bằng kim loại, chuôi gỗ, có tổng chiều dài 43,4cm, chuôi dài 15cm, bản dao chỗ rộng nhất là 06cm. Một mặt chuôi dao có khắc chữ “X”, một mặt khắc cụm chữ “XXX”; cũ, rỉ đã qua sử dụng.

- 01 (một) con dao nhọn bằng kim loại, màu đen, dài 34,5cm, phần bản dao và lưỡi dao dài 24cm, bản dao chỗ rộng nhất 7,5cm. Bản dao hơi cong vênh; cũ, rỉ đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc liềm, chuôi liềm dài 28,2cm (phần chuôi liềm bằng gỗ màu vàng dài 23,5cm), lưỡi liềm bằng kim loại dài 18cm, bản rộng nhất của liềm là 3,9cm; cũ, rỉ đã qua sử dụng.

- 02 (hai) chiếc dép bằng nhựa màu xanh, trên mặt mỗi chiếc dép có chữ “VIP” màu trắng, kích thước mỗi chiếc (23 x 10)cm; cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) túi giấy được dán kín, có hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang tại các mép dán, bên trong có 01 (Một) chiếc áo cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc gậy bằng gỗ hình trụ vuông, dài 174,5cm, mỗi cạnh dài 03cm, trên thân cây gậy có bán đính vết chất màu nâu thẫm đã khô tại vị trí cách hai đầu gậy lần lượt là 78cm và 97cm, cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 20/8/2020).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Đàm Văn D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 7.672.600đ (làm tròn số 7.673.000đ) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng là 7.873.000đ (*Bảy triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần có liên quan) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/9/2020.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Bích